

THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn kế toán thuế doanh thu, thuế tiêu

thụ đặc biệt, thuế lợi tức và các loại thuế khác ở các đơn vị kinh doanh

Thi hành các Nghị định số 351/HĐBT, 352/HĐBT và 353/HĐBT ngày 02/10/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành các Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức và Pháp lệnh thuế tài nguyên của Hội đồng Nhà nước... Bộ Tài chính hướng dẫn hạch toán kế toán các khoản thu nộp nói trên ở các đơn vị kinh doanh như sau:

I- TÀI KHOẢN SỬ DỤNG

1. Theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán thống nhất hiện hành, kế toán sử dụng TK64 "Thanh toán với ngân sách" để phản ánh tập trung tình hình tính, trích và nộp các khoản thuế, các khoản thanh toán khác với ngân sách Nhà nước. Tài khoản 64 "Thanh toán với ngân sách" nay quy định cụ thể gồm các tiểu khoản sau:

Tiểu khoản 641 "Thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt", phản ánh tình hình nộp thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt cho ngân sách Nhà nước. Đối với đơn vị đồng thời phải nộp cả hai loại thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt thì trên TK641 phải ghi chi tiết để theo dõi riêng tình hình nộp từng loại thuế;

Tiểu khoản 642 "Thuế lợi tức", phản ánh tình hình nộp thuế lợi tức cho ngân sách Nhà nước;

Tiểu khoản 643 "Thu trên vốn", phản ánh tình hình nộp các khoản thu trên vốn cho ngân sách Nhà nước;

Tiểu khoản 644 "Thuế nhà, đất", phản ánh tình hình nộp các khoản thuế nhà, đất;

Tiểu khoản 645 "Thuế thu nhập", phản ánh tình hình nộp các khoản thuế thu nhập;

Tiểu khoản 646 "Thuế khác", phản ánh tình hình nộp các khoản thuế khác không ghi vào các tiểu khoản trên như: Thuế tài nguyên, thuế xuất, nhập khẩu... Tiểu khoản này được mở chi tiết theo từng loại thuế;

Tiểu khoản 647 - Khấu hao cơ bản;

Tiểu khoản 648 - Trợ giá;

Tiểu khoản 649 - Thanh toán khác.

Trên báo cáo kết quả kinh doanh của các đơn vị, phần "Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước", các khoản thuế được ghi theo thứ tự các tiểu khoản tiết khoản nói ở trên.

2. Để phù hợp với chế độ thuế mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tính thuế và kiểm tra thuế, nay sửa đổi phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ sau:

Hạch toán nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ):

Khi thu tiền nhượng bán TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 50 - Tiền mặt

Nợ TK 51 - Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 61 - Thanh toán với người mua

Có TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (402)

Giá trị còn lại của TSCĐ (phần chưa trích khấu hao hết) là giá vốn của TSCĐ nhượng bán, ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (402)

Có TK 82 - Nguồn vốn XDCB (822).

Thuế doanh thu trên giá bán TSCĐ phải nộp (nếu có), ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (402)

Có TK 64 - Thanh toán với ngân sách (641)

Nếu có chi phí nhượng bán, thì phần chi phí đó được tính vào giá vốn TSCĐ nhượng bán, ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (402)

Có TK 50 - Tiền mặt

Có TK 51 - Tiền gửi Ngân hàng

...

Chênh lệch giữa giá bán với giá vốn TSCĐ và thuế doanh thu nhượng bán TSCĐ (nếu có) là lợi tức chịu thuế, ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (402)

Có TK 70 - Thu nhập (702)

Nếu lỗ ghi ngược lại.

Ngoài ra, kế toán phải ghi bút toán xóa sổ TSCĐ như quy định trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất.

Hạch toán thanh lý TSCĐ

Khoản giá trị thu hồi do thanh lý TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 21 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 50 - Tiền mặt

Nợ TK 51 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (405).

Giá trị còn lại của TSCĐ (phần chưa trích khấu hao hết) được coi là thiệt hại do thanh lý TSCĐ trước thời hạn, kế toán ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (405)

Có TK 82 - Nguồn vốn XDCB (822)

Các chi phí thanh lý TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (405)

Có TK 50 - Tiền mặt

Có TK 51 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 31 - Sản xuất, kinh doanh phụ

Chênh lệch giữa giá trị thu và chi về thanh lý TSCĐ là lợi tức thanh lý TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (405)

Có TK 70 - Thu nhập (705)

Nếu lỗ ghi ngược lại.

Ngoài ra, kế toán ghi bút toán xoá sổ TSCĐ như đã quy định trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất.

Hạch toán lãi tiền vay:

Toàn bộ số tiền lãi phải trả về các khoản vay Ngân hàng và vay các đối tượng khác (trừ phần nợ vay quá hạn) đều được hạch toán vào chi phí quản lý xí nghiệp.

Nợ TK 33 - Chi phí quản lý xí nghiệp

Có TK 51 - Tiền gửi ngân hàng

Có TK 50 - Tiền mặt

Đối với các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực lưu thông (thương nghiệp, vật tư) lãi tiền vay vẫn hạch toán vào chi phí lưu thông như quy định hiện hành.

II- PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN CÁC KHOẢN THUẾ

1. Phương pháp hạch toán thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế doanh thu:

Số thuế doanh thu phải nộp = Doanh thu tính thuế x Thuế suất

Doanh thu tính thuế là toàn bộ số tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền dịch vụ của khối lượng hàng hoá, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ nộp thuế. Thời điểm được xác định tiêu thụ làm căn cứ tính doanh thu chịu thuế là thời điểm người mua hàng, người thuê gia công hoặc người cung ứng dịch vụ nhận trả tiền, không phân biệt người bán đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo Thông tư số 45-TC/TCT ngày 4/10/1990 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế doanh thu.

Đối với doanh thu bằng ngoại tệ: phải được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỉ giá sau:

Đối với đơn vị hoạt động theo cơ chế tự cân đối ngoại tệ, thì tỉ giá quy đổi là tỉ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tính doanh thu. Đối với ngoại tệ không tự do chuyển đổi, Ngân hàng không công bố tỉ giá thì tỉ giá quy đổi là tỉ giá thị trường mà đơn vị có thể bán được tại thời điểm tính doanh thu.

Đối với đơn vị kinh doanh xuất khẩu theo Nghị định thư thì tỉ giá quy đổi là tỉ giá hình thành cho từng ngành hàng, nhóm hàng đã được Nhà nước chấp thuận thanh toán cho đơn vị.

Thuế tiêu thụ đặc biệt:

Thuế tiêu thụ = Doanh x Thuế - Thuế tiêu thụ đặc biệt
 đặc biệt phải thu tính suất đã nộp cho phần
 nộp thuế nguyên liệu của hàng
 đã tiêu thụ

Thuế tiêu thụ đặc biệt được tính trên từng mặt hàng chịu thuế khi mặt hàng đó được xác định là tiêu thụ. Thời điểm được xác định là tiêu thụ đối với hàng hoá phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, quy định như thời điểm xác định là tiêu thụ đối với sản phẩm, hàng hoá chịu thuế doanh thu.

Về hạch toán: Tất cả doanh thu chịu thuế đều được phản ánh bên Có tiểu khoản 401 "Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính" và tiểu khoản 402 "Hoạt động sản xuất, kinh doanh phụ".

Khi xác định số thuế doanh thu hoặc số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp, kế toán ghi:

Nợ TK 40 - Tiêu thụ và kết quả (401, 402) Có TK 64 - Thanh toán với ngân sách (641)

Khi nộp thuế doanh thu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán ghi:

Nợ TK 64 - Thanh toán với ngân sách (641)

Có TK 51 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 50 - Tiền mặt

...

Cơ sở kinh doanh nhận bán hàng ký gửi phải nộp các loại thuế quy định chung. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận bán hàng ký gửi cho các cơ sở kinh doanh buôn chuyển, thì ngoài thuế doanh thu đơn vị phải nộp (tính trên số tiền hoa hồng được hưởng) còn phải khấu trừ 4% trên doanh thu của cơ sở kinh doanh buôn chuyển có hàng ký gửi để nộp cho cơ quan thuế (1% về thuế doanh thu; 3% về thuế lợi tức". Cơ sở nhận bán hàng ký gửi được hưởng khoản thù lao là 3% tính trên số thuế khấu trừ đã nộp cho cơ quan thuế:

Cơ sở kinh doanh buôn chuyển có hàng ký gửi khi nhận được thông báo về số thuế cơ sở nhận bán hàng ký gửi đã nộp hộ thì ghi sổ số thuế doanh thu và thuế lợi tức phải nộp như những quy định tại Thông tư này;